

Số: /SGDDT-KHTC

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2025

V/v hướng dẫn triển khai thực
hiện Nghị quyết số 81/2025/NQ-
HĐND ngày 14/11/2025 và một
số nội dung của Nghị định số
238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025

Kính gửi:

- Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 4366/UBND-VHXXH ngày 17/11/2025 về tổ chức triển khai Nghị quyết trong lĩnh vực giáo dục ban hành tại Kỳ họp thứ 33 (kỳ họp chuyên đề) của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông công lập và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong các cơ sở giáo dục tư thục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (*gửi kèm Công văn này*);

Trên cơ sở ý kiến tham gia của Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và ý kiến thống nhất của Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐND như sau:

1. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐND, phạm vi điều chỉnh gồm:

- Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục (mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên) công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên; mức học phí là căn cứ xác định mức ngân sách nhà nước cấp bù kinh phí cho cơ sở giáo dục công lập khi thực hiện chính sách miễn học phí;

- Quy định mức hỗ trợ học phí cho người học tại cơ sở giáo dục tư thục, cơ sở giáo dục thuộc trường đại học;

- Quy định về phân loại các vùng áp dụng mức học phí, mức hỗ trợ học phí;

- Quy định về mức học phí, mức hỗ trợ học phí trong trường hợp học trực tuyến (online).

b) Đối tượng áp dụng

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐND, đối tượng áp dụng gồm:

- Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông (sau đây gọi tắt là học viên giáo dục thường xuyên) đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh, trừ các đối tượng đã được hưởng chính sách hỗ trợ học phí với mức cao hơn theo quy định của tỉnh¹;

- Cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập² chưa tự đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 3, 4); cơ sở giáo dục mầm non (bao gồm cả nhóm lớp độc lập), phổ thông, giáo dục thường xuyên tư thục; cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông thuộc trường đại học³;

- Các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh có phối hợp tổ chức các lớp học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông tạo trường; các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan.

2. Về mức học phí

a) Mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐND.

Một số lưu ý khi thực hiện như sau:

- Xác định mức học phí của mỗi cơ sở giáo dục phải căn cứ 02 tiêu chí: (1) Cấp học (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông); (2) Vùng theo loại hình đơn vị hành chính cấp xã (phường, đặc khu, xã) nơi cơ sở giáo dục đặt trụ sở chính;

Ví dụ: Mức học phí đối với Trường mầm non Hạnh Phúc (trụ sở chính tại phường Hạ Long) là 190.000 đồng/tháng/trẻ em; đối với Trường tiểu học và trung học cơ sở Ngọc Vừng (trụ sở chính tại đặc khu Vân Đồn) là 125.000 đồng/tháng/học sinh tiểu học và 125.000 đồng/tháng/học sinh trung học cơ sở; đối với Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Hải Đông (trụ sở chính tại xã Đông Ngũ) là 115.000 đồng/tháng/học sinh trung học cơ sở và 170.000 đồng/tháng/học sinh trung học phổ thông.

- Mỗi cấp học của mỗi cơ sở giáo dục chỉ có một mức học phí. Trường hợp

¹ Quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019; điểm b khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021.

² Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tỉnh Quảng Ninh.

³ Trường mầm non Thực hành Sư phạm và Trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông Thực hành Sư phạm thuộc Trường Đại học Hạ Long.

cơ sở giáo dục có cơ sở/phân hiệu/chi nhánh/điểm trường ở các địa bàn mà loại hình đơn vị hành chính cấp xã khác nhau, mức học phí được xác định theo địa bàn cấp xã nơi cơ sở giáo dục đặt trụ sở chính theo quyết định thành lập;

Ví dụ: Theo quyết định số 3868/QĐ-UBND ngày 15/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở và trung học phổ thông tỉnh Quảng Ninh có trụ sở chính tại phường Hạ Long, cơ sở 2 tại xã Tiên Yên thì mức học phí đối với trường xác định theo quy định đối với phường Hạ Long.

- Không thực hiện điều chỉnh mức học phí trong năm học. Trường hợp trong năm học có sự thay đổi về loại hình đơn vị hành chính cấp xã nơi trường đặt trụ sở chính (do sáp nhập cơ sở giáo dục, xã chuyển lên thành phường ...) thì mức học phí được điều chỉnh phù hợp trong năm học tiếp theo liền kề;

- Mức học phí được tính theo tháng, không chia nhỏ theo ngày, tuần;

Ví dụ: Học sinh Nguyễn Văn A không học tại trường (thôi học, chuyển trường ...) từ ngày 12/3/2026, kinh phí cấp bù học phí tháng 3/2026 vẫn tính cả tháng cho học sinh Nguyễn Văn A. Trường hợp học sinh chuyển trường, trong hồ sơ ghi rõ “đã miễn học phí hết tháng 3/2026” để trường tiếp nhận học sinh căn cứ tiếp tục thực hiện chính sách miễn học phí cho học sinh.

b) Mức học phí đối với cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông (chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông) chưa tự đảm bảo chi thường xuyên thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐND. Theo quy định, mức học phí đối với cơ sở giáo dục bằng mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông cùng cấp học, cùng loại hình đơn vị hành chính cấp xã.

Ví dụ: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tỉnh Quảng Ninh có trụ sở chính tại phường Hà Lâm và 12 phân hiệu/cơ sở tại 12 phường, xã, đặc khu trên địa bàn tỉnh (theo Quyết định số 3885/QĐ-UBND ngày 15/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh), Trung tâm hiện đang tổ chức dạy chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông, đối chiếu với quy định về mức học phí của trường trung học phổ thông có trụ sở chính trên địa bàn phường, mức học phí đối với Trung tâm là 190.000 đồng/tháng/học viên.

c) Mức học phí trong trường hợp học trực tuyến (học online) thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐND.

Lưu ý khi thực hiện như sau:

- Số ngày học trực tuyến là số ngày học chính thức theo chương trình giáo dục, kế hoạch năm học, được tổ chức trong phạm vi toàn trường theo hình thức trực tuyến (online) theo yêu cầu của cơ quan quản lý trực tiếp hoặc được cấp có thẩm quyền chấp thuận, không tính số ngày dạy thêm (ôn thi, bồi dưỡng/phụ đạo) và các hoạt động giáo dục khác ngoài ngày học chính thức;

- Số ngày học trung bình/tháng của năm học bằng tổng số ngày học chính thức/tổng số tháng của năm học;

- Khi số ngày học trực tuyến trong tháng trên 80% số ngày học trung bình/tháng thì mức học phí trong tháng đó bằng 75% mức học phí của tháng học trực tiếp;

Ví dụ: Trường tiểu học A có trụ sở chính trên địa bàn phường A, nhà trường được cấp có thẩm quyền cho phép tổ chức dạy học trực tuyến, tổng số ngày học trực tuyến trong tháng là 16 ngày. Mức học phí của tháng được xác định như sau:

Tổng số ngày học chính thức của năm học là 175 ngày, tổng số tháng của năm học là 9 tháng, số ngày học trung bình/tháng là $175 : 9 \approx 19,4$ ngày.

Tỷ lệ số ngày học trực tuyến: $(16 : 19,4) \times 100\% \approx 82,5\% > 80\%$.

Mức học phí của tháng là: $130.000 \times 75\% = 97.500$ đồng/tháng/học sinh.

3. Về mức hỗ trợ học phí

Mức hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐND, bằng mức học phí tương ứng theo cấp học của cơ sở giáo dục công lập. Việc xác định mức hỗ trợ học phí như xác định mức học phí theo hướng dẫn tại mục 2 trên.

Ví dụ: Trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông Văn Lang, trụ sở chính tại phường Hồng Gai. Nếu là trường công lập, mức học phí sẽ là 135.000 đồng/tháng/học sinh tiểu học, 135.000 đồng/tháng/học sinh trung học cơ sở và 190.000 đồng/tháng/học sinh trung học phổ thông. Tuy nhiên, trường thuộc loại hình tư thực, do đó mức hỗ trợ học phí đối với học sinh của trường là 135.000 đồng/tháng/học sinh tiểu học, 135.000 đồng/tháng/học sinh trung học cơ sở và 190.000 đồng/tháng/học sinh trung học phổ thông.

4. Về quy trình, thủ tục thực hiện chính sách miễn, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và phương thức chi trả

a) Đối với chính sách miễn học phí

- Hồ sơ thủ tục, trình tự thực hiện miễn học phí trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP;

- Cơ chế thực hiện miễn học phí theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 19 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP; thời gian thực hiện miễn học phí đối với từng đối tượng cụ thể thực hiện theo quy định tại khoản 8, 9 Điều 19 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP;

- Phương thức cấp bù tiền miễn học phí thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.

b) Đối với chính sách hỗ trợ học phí

- Hồ sơ thủ tục, trình tự thực hiện hỗ trợ học phí trong cơ sở giáo dục mầm non tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông tư thục và cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông thuộc trường đại học thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP;

- Cơ chế thực hiện hỗ trợ học phí theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 19 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP; thời gian thực hiện hỗ trợ học phí đối với từng đối tượng cụ thể thực hiện theo quy định tại khoản 8, 9 Điều 19 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP;

- Phương thức chi trả tiền hỗ trợ học phí thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.

c) Đối với hỗ trợ chi phí học tập

- Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP;

- Hồ sơ thủ tục, trình tự thực hiện hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục công lập thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 18 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, trong cơ sở giáo dục tư thục thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 18 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP;

- Phương thức hỗ trợ chi phí học tập đối với cơ sở giáo dục công lập thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP; phương thức chi trả tiền hỗ trợ chi phí học tập đối với người học ở các cơ sở giáo dục tư thục thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.

Sở Giáo dục và Đào tạo ủy quyền cho các cơ sở giáo dục tư thục trực thuộc theo phân cấp quản lý chịu trách nhiệm chi trả trực tiếp cho cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ học sinh, học viên tiền hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập. Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu chịu trách nhiệm chi trả trực tiếp (hoặc ủy quyền cho cơ sở giáo dục chi trả) cho cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ trẻ em mầm non, học sinh phổ thông các cơ sở giáo dục tư thục theo phân cấp quản lý tiền hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập.

5. Về lập dự toán và quyết toán kinh phí miễn, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập

Thực hiện theo quy định tại Điều 22, 23, 24 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.

6. Về quản lý học phí

Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, trong đó cơ sở giáo dục công lập quản lý, sử dụng học phí theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; kinh phí ngân sách nhà nước cấp bù tiền miễn học phí được chuyển và hạch toán vào tài khoản thu học phí của cơ sở

giáo dục; nguồn kinh phí cấp bù học phí là khoản thu để xác định mức tự bảo đảm chi thường xuyên, xây dựng phương án tự chủ tài chính theo quy định.

Trên đây là hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh, trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các địa phương, đơn vị phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính để phối hợp hướng dẫn, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các Sở: TC, NV, TP, KHCN;
- GD, các PGD Sở GDĐT;
- Các đơn vị thuộc Sở GDĐT;
- Công TTĐT;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đinh Ngọc Sơn

Số: 81/2025/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 14 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông công lập và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong các cơ sở giáo dục tư thục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2015/QH13;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số 4176/TTr-UBND ngày 05/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông công lập và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong các cơ sở giáo dục tư thục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Báo cáo thẩm tra số 253/BC-HĐND ngày 07/11/2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; Công văn số 4225/UBND-VHXXH ngày 07/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung Tờ trình số 4176/TTr-UBND ngày 05/11/2025; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông công lập và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong các cơ sở giáo dục tư thục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức học phí, mức hỗ trợ học phí trong cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, theo quy định tại các khoản 5, 7, 8 Điều 8, khoản 1 Điều 11 và điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông (học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông) đang học trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh, trừ đối tượng đã được hưởng chính sách hỗ trợ học phí theo quy định của tỉnh với mức cao hơn mức hỗ trợ quy định tại Điều 3 Nghị quyết này;

b) Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh;

c) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục công lập

1. Mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/tháng/học sinh

Vùng theo loại hình đơn vị hành chính cấp xã	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Phường	190	135	135	190
Đặc khu	180	125	125	180
Xã	170	115	115	170

2. Mức học phí đối với cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông (chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông) chưa tự bảo đảm chi thường xuyên: Bằng mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông cùng cấp học quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp học trực tuyến (học online) mà số ngày học trong tháng trên 80% tổng số ngày học trung bình/tháng của năm học, mức học phí đối với cơ sở giáo dục bằng 75% mức học phí quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 3. Quy định mức hỗ trợ học phí đối với người học trong cơ sở giáo dục thuộc trường đại học và cơ sở giáo dục tư thục

- Mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông trong cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông thuộc trường đại học và trẻ em mầm

non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong các cơ sở giáo dục tư thục trên địa bàn tỉnh bằng mức học phí tương ứng theo cấp học đối với cơ sở giáo dục công lập quy định tại Điều 2 Nghị quyết này.

- Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách tỉnh.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo công khai, minh bạch, kịp thời, đúng đối tượng. Trường hợp cần thiết, trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh mức học phí, mức hỗ trợ học phí quy định tại Nghị quyết này phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền, tạo sự đồng thuận của Nhân dân và giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 14 tháng 11 năm 2025, áp dụng từ năm học 2025 - 2026.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 65/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2021 - 2022 đến năm học 2025 - 2026 và Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 65/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2021 - 2022 đến năm học 2025 - 2026.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XIV, Kỳ họp thứ 33 thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2025.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ (báo cáo);
- VP Chính phủ, VP Quốc hội (báo cáo);
- UBCTĐB của Quốc hội;
- Các bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh Quảng Ninh;
- Các sở ban ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ4.



CHỦ TỊCH

Trịnh Thị Minh Thanh